

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 28-8-2019
V/v: Ly hôn giữa chị M và anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thực

2. Bà Vũ Thị Khánh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HGĐ, ngày 22-8-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Khu M, thị trấn H1, huyện H, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1988(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu M, thị trấn H1, huyện H, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn S kết hôn cùng nhau do nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 09-6-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S đi làm xa có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo để anh S thay đổi, vợ chồng đã về chung sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì lại xảy ra cãi vã to tiếng.

Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 3 năm 2017 chị làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh S nhưng được Tòa án hòa giải nên chị rút đơn cho anh S một cơ hội nữa nhưng anh S không chịu sửa đổi, vợ chồng lạnh nhạt tình cảm nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh S không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13-01-2013 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 24-7-2014, cả 02 con chung do anh S trực nuôi dưỡng vì khi chị về nhà mẹ đẻ anh S giữ con, không cho chị đưa con đi nên chị không thể trực tiếp nuôi dưỡng con được, trong thời gian anh S nuôi con chị vẫn quan tâm và chăm sóc đến các con. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con là Đ1, nhường anh S trực tiếp nuôi con là Đ, không bên nào phải góp cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị và anh S không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29-7-2019 và phiên hòa giải ngày 08-8-2019, bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn cùng chị Phạm Thị M do tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 09-6-2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị M nghi ngờ anh có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nhưng thật ra không có việc đó, sau đó vợ vẫn chung sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì lại xảy ra cãi vã to tiếng. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào tháng 3 năm 2017, chị M khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó chị M rút đơn, vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn không khắc phục được, từ tháng 5 năm 2019 không biết vì lý do gì chị M đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M không còn, chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13-01-2013 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 24-7-2014, hiện do anh trực nuôi dưỡng. Nếu ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu chị M phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung: Anh và chị M không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị M và anh S đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Phạm Thị

M được ly hôn anh Nguyễn Văn S; về nuôi con chung: giao con chung Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 24-7-2014 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13-01-2013 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bên nào; về chia tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn S, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với anh S nhưng anh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, mở lại phiên tòa vào ngày 28-8-2019 và xét xử vắng mặt anh S theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị M kết hôn với anh Nguyễn Văn S tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 09-6-2012, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng nghi ngờ lòng chung thủy của nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, đôi bên không khắc phục được và đã ly thân từ tháng 05 năm 2019 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị M và anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M có đơn xin ly hôn, anh S nhất trí ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị M và anh S có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13-01-2013 và Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 24-7-2014 hiện cả 02 con chung do anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M xin được trực tiếp nuôi con là Đăng, nhường anh S trực tiếp nuôi con là Đạt. Anh S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung. Xét nguyện vọng nuôi con của chị M và anh S là chính đáng nhưng anh S và chị M đều làm công nhân, có thu nhập ổn định và để đảm bảo điều kiện chăm sóc tốt nhất cho cả 02 con chung cần giao cho anh S và chị M mỗi người trực tiếp nuôi 01 con chung là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh S đều trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị M và anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Đ1, sinh ngày 24-7-2014. Xử giao cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 13-01-2013. Chị M và anh S không phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M và anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005622 ngày 10-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (chị M đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Bích Thủy